TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/ 8/ 2023
"V/v: Chia tài sản chung sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Tất Dũng
2. Ông Lê Thanh Hải
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thoan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa*: Ông Ngô Xuân Thành – Kiểm sát viên

Ngày 22/8/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 157/2022/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc "Chia tài sản chung sau ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐ-TA ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1966;
Nơi cư trú: xóm TY, xã HB, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1966.;
Nơi cư trú: xóm TY, xã HB, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
(Văng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hứa Đức K, sinh năm 1988; Nơi cư trú: xóm TY, xã HB, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. *(Có mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Ý kiến của bà Trần Thị H Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa trình bày:

Tại quyết định ly hôn số 68/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, bà và ông C đã thuận tình ly hôn. Về tài sản chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Tuy nhiên sau khi ly hôn, ông C nhiều lần tìm cách gây khó khăn nên cả hai vẫn không thể thỏa thuận với

nhau về việc chia tài sản chung. Nay bà khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung giữa bà và ông C sau ly hôn theo quy định của pháp luật. Bà H xác định tài sản chung của ông bà bao gồm: 01 thửa đất số 350 tờ bản đồ số 01 tại xóm TY, xã HB, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, diện tích: 509m^2, loại đất trồng cây công nghiệp lâu năm, trên đất trồng cây chè; 01 thửa đất số 329 tờ bản đồ số 01 tại xóm TY, xã HB, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, diện tích: 428m^2, loại đất trồng cây công nghiệp lâu năm. Trên đất trồng cây mỡ 10 năm. Cả hai thửa đất đều đã được UBND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cấp GCNQSD đất ngày 15/10/2013 mang tên Trần Thị H và Trần Văn C.

- 01 căn nhà cấp 4 mái bằng, xây năm 2000 trên thửa đất của bố mẹ ông C cho ông C tại xóm TY, xã HB, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, cùng các thiết bị, đồ dùng sinh hoạt trong nhà (Ti vi, tủ lạnh, máy lọc nước, tôn quay, máy xao chè, máy vò chè,...).

* Nợ chung: Bà H xác định không có.

2. Bị đơn ông Trần Văn C trình bày: Ông và bà H trước đây là vợ chồng. Tháng 10/2022 ông và bà H đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ. Nay bà H có đơn yêu cầu chia tài sản chung của hai vợ chồng, ông xác định quá trình chung sống hai vợ chồng có những tài sản chung như bà H đã trình bày là đúng. Quan điểm của ông là đề nghị tòa án chia tài sản chung theo quy định của pháp luật, ông và bà H chia mỗi người 01 thửa đất, còn căn nhà cấp 4 ông đề nghị định giá tài sản. Ngoài ra còn 01 thửa đất ông mua lại của anh trai bà H hiện nay ông đang sử dụng là của ông.

3. Ý kiến Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Anh Hứa Đức K tại phiên tòa trình bày: Bà Trần Thị H và ông Trần Văn C là cô chú họ của anh. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án giữa ông Trần Văn C và bà Trần Thị H, anh được biết ông C có xác định thửa đất số 205 tờ bản đồ số 8, diện tích 150m^2 đất màu và thửa đất số 193 tờ bản đồ số 8, diện tích 200m^2 đất màu đều thuộc xã HB, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên là tài sản chung của ông C và bà H. Anh xác định 02 thửa đất này không phải là tài sản chung của ông C bà H mà là đất của bố anh là ông Hứa Đức Cường đã được UBND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cấp GCNQSD đất ngày 05/4/1994 mang tên Hứa Đức Y. Hiện nay bố mẹ anh đều đã chết nên toàn bộ đất đai của bố mẹ anh để lại cho anh quản lý, sử dụng. Gia đình anh vẫn đang quản lý và sử dụng các thửa đất được ghi trong GCNQSD đất của bố anh chứ không phải như lời ông C trình bày. Mấy năm về trước, khi ông C còn đang đi cải tạo án, do hoàn cảnh của bà H một mình nuôi 2 con đang tuổi ăn học rất khó khăn nên bố anh có cho bà H mượn 2 bãi đất để trồng chè làm ăn nuôi con. Khi ông C đi cải tạo án về thì bà H đã trả lại 02 thửa đất cho gia đình anh, hiện hai thửa đất trên vẫn thuộc quyền sử dụng của gia

đình anh. Gia đình anh không chuyển nhượng hay cho thuê thửa đất này cho bất cứ ai. Quá trình giải quyết anh đã cung cấp GCNQSD đất của gia đình anh cho Tòa án. Đề nghị Tòa án không chấp nhận ý kiến của ông Trần Văn C. Ngoài ra anh không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Bà H và ông C không thỏa thuận được việc chia tài sản nên bà H đã đề nghị Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/3/2023 và định giá tài sản ngày 14/4/2023, Hội đồng định giá xác định giá trị của tài sản:

Căn cứ Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên xác định:

1. Thửa đất số 329, tờ bản đồ số 1, xóm TY: Là Đất trồng cây lâu năm, diện tích 428m^2, đất thuộc vị trí 2 xã HB, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, có đơn giá: 47.000đ/m^2; Giá trị: **428m^2 x 47.000đ = 20.116.000 đồng**

2. Thửa đất số 350, tờ bản đồ số 1, xóm TY: Là Đất trồng cây lâu năm, diện tích 509m^2, đất thuộc vị trí 2 xã HB, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, đơn giá: 47.000đ/m^2; Giá trị: 509m^2 x 47.000đ = **23.923.000 đồng**

3. Tài sản trên đất:

3.1. 01 Nhà cấp 4 mái bằng xây năm 2000, gạch đỏ, tường 220, diện tích 9 x 7,2 = 64,4m^2: Trong nhà lát gạch hoa, tường sơn ve xanh; bao gồm 03 bộ cửa gỗ xen kính (phòng khách), 02 bộ cửa sổ bằng gỗ kính, 03 bộ chắn song cửa sổ bằng gỗ, 03 ô thoáng cửa nan sắt; đơn giá: 1.500.000đ/m^2

Giá trị: 64,4m^2 x 1.500.000đ = **96.600.000 đồng**

3.2. Ngoài sân lợp mái tôn 15m^2, đơn giá: 60.000đ/m^2

Giá trị: 15m^2 x 60.000đ = **900.000 đồng**

3.3. Sân láng xi măng dày 5cm, đơn giá: 52.000đ/m^2

Giá trị: 60,4m^2 x 52.000đ = **3.140.800 đồng;**

3.4. Tường bao xây bằng gạch xilicat và gạch đỏ dài 106m^2, đơn giá: 100.000đ/m^2; Giá trị: 106m^2 x 100.000đ = **10.600.000 đồng**

3.5. 01 Nhà bếp cấp 4 lợp mái pro xi măng, xà gỗ mỡ, xây bằng gạch đỏ từ năm 2012, có diện tích: 7,1m x 4.3m = 30,53m^2, đơn giá: 300.000đ/m^2

Giá trị: 30,53m^2 x 300.000đ = **9.159.000 đồng**

3.6. Nhà tắm lợp mái pro xi măng, xây bằng gạch xilicat, đơn giá: 250.000đ/m^2; Giá trị: (2m x 2m) x 250.000đ = **1.000.000 đồng**

3.7. Cổng sắt, đơn giá sắt: 9.000đ/kg; Giá trị: 70kg x 9.000đ = **630.000 đồng;**

4. Các đồ dùng trong nhà bao gồm: 01 TV, tủ lạnh, máy lọc nước, kệ tủ phòng khách, bộ bàn ghế, tủ quần áo, giường, máy xao chè, máy vò chè, chạn bếp, hai bên đương sự thống nhất tự phân chia như sau:

Bà H quản lý, sử dụng: 01 Ti Vi, 01 tủ lạnh, 01 máy lọc nước, 01 máy xao chè,01 máy vò chè, 01 tủ quần áo; Ông C quản lý, sử dụng: 01Giường, 01 bộ bàn ghế, 01 chạn bếp, 01 kệ tủ phòng khách. *(Những tài sản này bà H, ông C tự phân chia nên không yêu cầu Hội đồng định giá định giá).*

5. Cây trên đất:

5.1. 01 cây hồng ngoài sân, đường kính 20cm, đơn giá: **650.000đ/cây**

5.2. Cây mỡ trồng từ năm 2001, đường kính gốc > 20cm. Có 130 cây, đơn giá công chặt hạ: 41.000đ/cây. Giá trị: 130 x 41.000đ = **5.330.000 đồng.**

5.3. Cây chè trồng từ năm 2019 trên đất diện tích 509m^2, đơn giá: 24.000đ/m^2; Giá trị: 509m^2 x 24.000đ = **12.216.000 đồng**

Tổng giá trị tài sản chung là: 184.264.800 đồng. Bà H và ông C nhất trí với kết quả định giá của Hội đồng định giá đã định giá .

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và K giải, nguyên đơn là bà H giữ nguyên quan điểm, không sửa đổi, bổ sung, thay đổi hay rút yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung vợ chồng sau ly hôn giữa bà với ông C. Bị đơn là ông C vắng mặt tại phiên họp dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo mở phiên họp. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hứa Đức K giữ nguyên quan điểm trong bản tự khai đã nộp cho Tòa án, ngoài ra không có yêu cầu độc lập. Ông C không có mặt tại phiên họp nên Tòa án không tiến hành K giải được. Bà H đã làm đơn đề nghị không tiến hành hỏa giải lần hai vì trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi Tòa án thụ lý đến nay đã triệu tập ông C nhiều lần nhưng ông C không hợp tác để giải quyết, đồng thời bà H cũng không có nguyện vọng K giải.

Do bà H và ông C không thỏa thuận được nên Tòa án nhân dân huyện Đ Quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự:

- Ý kiến của bà H: Tôi và ông C có tài sản chung như kết quả HĐ Định giá đã định giá. Căn nhà xây trên thửa đất 59 tờ bản đồ số 9(bản đồ giải thửa đo năm 1961) nay tương ứng là thửa 92 tờ bản đồ số 36(Bản đồ địa chính đo đạc năm 2013) nguồn gốc đất là của bố mẹ ông C cho ông C tôi không yêu cầu chia giá trị phần đất ở có căn nhà. Tôi được biết thửa đất này ông C đã được cấp GCNQSD đất mang tên ông Trần Văn C từ năm 1994 nhưng ông C giấu không cung cấp cho Tòa án. Tôi đã có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ, theo kết quả cung cấp chứng cứ của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ và

UBND xã Hòa Bình, huyện Đ đã đối chiếu với sổ cấp GCNQSD đất và có văn bản trả lời rằng ông C đã được cấp GCNQSD đất mang tên Trần Văn C từ năm 1994, việc này tôi không có ý kiến gì. Đề nghị HĐXX xem xét bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho tôi.

Đối với ý kiến của ông C cho rằng ông C mua của ông Y(anh họ bà) thửa đất số 205 tờ bản đồ số 8, diện tích 150m^2 đất màu và thửa đất số 193 tờ bản đồ số 8, diện tích 200m^2 đất màu đều thuộc xã HB, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên là tài sản chung của ông C và bà là không đúng vì ông C nghiện ngập ma túy, bị đi tù mấy lần không giúp gì bà trong việc nuôi con dưỡng con cái, kinh tế khó khăn nên bà hỏi mượn ông Y cho trồng chè trên 2 bãi đất để lấy tiền nuôi con. Khi ông C đi cải tạo về bà đã trả đất cho gia đình anh Hòa(là con trai ông Y) đất hiện nay anh Hòa đang sử dụng.

- Ý kiến của anh Hòa: Giữ nguyên quan điểm đã trình bày, đề nghị HĐXX không chấp nhận ý kiến của ông C cho là 2 thửa đất của gia đình anh là tài sản chung của ông C và bà H.

- Ông Trần Văn C vắng mặt tại phiên tòa, không hợp tác giải quyết vụ án với bà Trần Thị H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử.

*** Về tố tụng:** ***Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:***

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Thụ lý đơn khởi kiện, xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án đúng quy định tại các Điều 28, 35 BLTTDS; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại các Điều 68, 203 BLTTDS. Tiến hành các phương thức tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án,thu thập chứng cứ theo đúng quy định tại Điều 97, 170 đến 177, 205, 208 đến 211 BLTTDS; chấp hành đúng thời hạn gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu tham gia phiên tòa, việc lập hồ sơ vụ án đảm bảo đúng quy định tại Điều 198, 204, 220 BLTTDS. Vụ án được đưa ra xét xử là có căn cứ.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện

đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS; bị đơn vi phạm Điều 70, 72 BLTTDS;

*** Về nội dung:** Căn cứ đơn khởi kiện Yêu cầu Chia tài sản chung sau ly hôn của bà Trần Thị H đối với ông Trần Văn C thể hiện: Tại quyết định Công nhận thuận tình ly hôn số 68/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên giữa bà Trần Thị H và ông Trần Văn C thì phần tài sản chung, nợ chung: Ông C và bà H tự thỏa thuận , không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay bà H yêu cầu Chia tài sản chung sau ly hôn, Tài sản chung của bà Trần Thị H và ông Trần Văn C có: Nhà ở, nhà bếp , nhà tắm, cây cối hoa màu và 02 thửa đất Trồng cây công nghiệp lâu năm tại thửa 329 và 350 tờ bản đồ số 1 xã Hòa Bình, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Đất đã có GCNQSD đất mang tên Trần Văn C và Trần Thị H. Theo kết quả định giá của Hội dồng định giá ngày 14/4/2023 Tổng giá trị tài sản của ông C và bà H là **184.264.800 đồng.**

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 33, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Chia tài sản chung sau ly hôn của Nguyên đơn – Bà Trần Thị H. Tài sản chung vợ chồng là chia đôi, mỗi bên được hưởng giá trị tài sản là **92.132.400 đồng**.

+ Chia cho bà Trần Thị H được quản lý, sử dụng 02 Thửa đất số 329 và thửa số 350 tờ bản đồ số 1, thuộc xóm TY, xã Hòa Bình, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Loại Đất trồng cây công nghiệp lâu năm. Đất đã có Giấy chứng nhận QSD đất do UBND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/10/2013 mang tên Trần Thị H và Trần Văn C. Giá trị 02 thửa đất: **44.039.000 đồng;** Bà Trần Thị H được quản lý, sử dụng: Cây Mỡ + Cây chè trồng trên 02 thửa đất có giá trị: **17.546.000 đồng.** Tổng giá trị tài sản bà H được hưởng là: **61.585.000 đồng.**

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H về việc không yêu cầu Ông Trần Văn C phải trích chia chênh lệch giá trị tài sản cho bà H **30.547.400 đồng.**

+ Chia cho ông Trần Văn C được quản lý, sử dụng căn nhà cấp 4, nhà bếp và công trình xây dựng trên thửa đất số 92 tờ bản đồ số 36(Bản đồ địa chính đo đạc năm 2013) Nguồn gốc đất là của bố mẹ ông C cho ông C. Giá trị tài sản ông C được hưởng là: **122.679.800 đồng;**

Về án phí: Bà H, ông C phải chịu án phí chia tài sản trên giá trị tài sản được hưởng; Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***Về tố tụng:** Quan hệ tranh chấp giữa bà Trần Thị H và ông Trần Văn C là quan hệ tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định tại khoản 1

Điều 28, các đương sự đều trú tại xóm TY, xã HB, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

***Về nội dung:**

[1] Xét yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của bà Trần Thị H đối với ông Trần Văn C và xác định tài sản chung:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông C xác định tài sản chung là những tài sản đã được Hội đồng định giá tiến hành định giá có **Tổng giá trị tài sản chung là: 184.264.800 đồng.** ***(Một trăm tám mươi bốn triệu, hai trăm sáu mươi bốn nghìn, tám trăm đồng).***

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và lời khai của các đương sự; Tòa án nhân dân huyện Đ ra Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ gửi UBND xã Hòa Bình huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và Chi nhánh Văn
phòng đăng ký đất đai huyện Đ tỉnh Thái Nguyên để xác định số thửa đất, tờ bản đồ và nguồn gốc thửa đất có căn nhà cấp 4 và công trình trên đất được ông C bà H xây dựng lên. Đất hiện đã có GCNQSD đất hay chưa.

Căn cứ Công văn số 196/UBND - ĐCXD của UBND xã Hòa Bình ngày 09/6/2023 tổng hợp cung cấp như sau: *" Đối với căn nhà hiện nay của ông Trần Văn C, bà Trần Thị H xây dựng nhà tạm để ở từ năm 1992 đến năm 2000 xây dựng lại nhà mới. Đối chiếu hồ sơ địa chính và bản đồ nhận thấy Thửa đất hiện nay ông C, bà H đã xây dựng nhà ở là thửa đất số 59 tờ bản đồ số 9 loại bản đồ giải thửa được đo đạc năm 1961 và chỉnh lý bản đồ năm 1972; Đối chiếu bản đồ địa chính đo đạc năm 2013 thửa đất tương ứng với thửa sô 92 tờ bản đồ 36 có tổng diện tích của thửa đất theo bản đồ là 779,7 m^2 loại đất theo bản đồ địa chính là đất ở. Kiểm tra Sổđăng ký ruộng đất năm 1994 ông C đã đăng ký tên trên sổ trong đó có thửa 59 tờ bản đồ số 9 diện tích đất: 750 m^2; Trong đó loại đất TC 400 m^2, đất CHN là 350 m^2.*

Kiểm tra Sổ cấp GCNQSD đất năm 1994 ông Trần Văn C đã được cấp GCNQSD đất số vào sổ 00063 số phát hành C345997 trong đó có thửa đất số 59 tờ bản đồ số 9 diện tích 750 m^2 được điều chỉnh thành 700 m^2 mang tên ông Trần Văn C"

Ngày 06/7/2023 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ cung cấp cho Tòa án toàn bộ hồ sơ : Bản sao Sổ đăng ký ruộng đất xã Hòa Bình, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có tên ông Trần văn C; Bản sao trang Sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất có tên ông Trần Văn C.

Căn cứ Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/3/2023 và biên bản định giá tài sản ngày 14/4/2023 và đã được Hội đồng định giá xác định giá trị,

tổng giá trị tài sản chung của bà H và ông C là: **184.264.800 đồng** ***(Một trăm tám mươi bốn triệu, hai trăm sáu mươi bốn nghìn, tám trăm đồng).***

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H và ông C kết hôn năm 1993 được đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Bình, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sông với nhau đã tạo dựng được khối tài sản chung có giá trị **184.264.800 đồng;** cả hai cùng có công sức đóng góp vào việc tạo lập, duy trì, phát triển khối tài sản chung, được xác định là ngang nhau, nên mỗi người có quyền được hưởng ½ giá trị tài sản nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật.

Tài sản riêng: Thửa đất số 92 tờ bản đồ số 36(Bản đồ địa chính đo đạc năm 2013) Nguồn gốc đất là của bố mẹ ông Chung cho ông Chung, đất đã có GCNQSD đất mang tên ông Trần Văn C được UBND huyện Đ cấp năm 1994 nên được xác định là tài sản riêng của ông C được bà H thừa nhận.

Tài sản chung gồm: Căn nhà và bếp, công trình xây dựng trên thửa đất số 92 tờ bản đồ số 36 như: Nhà tắm, mái tôn, sân láng xi măng , giếng nước, cây cối trên đất và 02 thửa đất số 329 và 350 tờ bản đồ số 1, thuộc xóm TY, xã Hòa Bình, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã được Hội đồng định giá là tài sản chung của bà H và ông C nên được chia đôi.

Tổng giá trị tài sản của bà H và ông C là **184.264.800 đồng : 2 =** mỗi bên được hưởng giá trị tài sản là **92.132.400 đồng.**

Ông C đang quản lý, sử dụng căn nhà trên thửa đất số 92 tờ bản đồ số 36 xã Hòa Bình, huyện Đ nên căn nhà thuộc quyền sở hữu của ông C và ông C phải có trách nhiệm trích chia ½ giá trị chênh lệch tài sản cho bà H.

Tại phiên tòa bà Trần Thị H đề nghị HĐXX: Chia cho bà được quản lý sử dụng 02 thửa đất trông cây công nghiệp lâu năm là thửa đất số 329 và 350 tờ bản đồ số 1, thuộc xóm TY, xã Hòa Bình, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Giá trị 02 thửa đất: 44.039.000 đồng; Bà được quản lý, sử dụng: Cây Mỡ + Cây chè trồng trên 02 thửa đất có giá trị: 17.546.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bà H được hưởng là: **61.585.000 đồng.** Đối với số tiền chênh lệch giá trị tài sản đáng lẽ ra Ông Trần Văn C phải có trách nhiệm trích chia chênh lệch giá trị tài sản cho bà H số tiền **30.547.400 đồng** nhưng bà H không yêu cầu ông C phải trích chia cho bà. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bà Trần Thị H.

[2] Ý kiến của Ông Trần Văn C trong quá trình giải quyết vụ án

ông C trình bày: Ông và bà H có mua thửa đất số 205 tờ bản đồ số 8, diện tích 150m^2 đất màu và thửa đất số 193 tờ bản đồ số 8, diện tích 200m^2 đất màu đều thuộc xã HB, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên của anh trai bà Trần Thị H nhưng ông C không cung cấp cho Tòa án chứng cứ gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Anh Hứa Đức Hòa không chấp nhận ý kiến của ông C và 02 thửa đất trên không phải tài sản chung của ông C

bà H mà là đất của bố anh là ông Hứa Đức Cường đã được UBND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cấp GCNQSD đất ngày 05/4/1994 mang tên Hứa Đức Y. Xét thấy: Ông Trần Văn C không cung cấp chứng cứ để chứng minh đất mua của anh trai bà H là tài sản chung của ông với bà H nên HĐXX không có căn cứ giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí: Số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bà H tự nguyện nộp và đã thực hiện xong. Bà H và ông C phải chịu án phí chia tài sản có giá ngạch trên tổng giá trị tài sản được hưởng nộp vào Ngân sách nhà nước.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 158, 164, 165, 227, 271, 273, 482, 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 29, 33, 38, 39, khoản 2 Điều 43, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 210, 213, 217, 219 , 220, 357,468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ,

- Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu Chia tài sản chung sau ly hôn của bà Trần Thị H đối với ông Trần Văn C. Xác định tài sản chung của bà H và ông C có trị giá: **184.264.800 đồng *(Một trăm tám mươi bốn triệu, hai trăm sáu mươi bốn nghìn, tám trăm đồng).***

2. Chia tài sản chung của bà Trần Thị H và ông Trần Văn C

2.1 Chia cho bà Trần Thị H được quản lý, sử dụng:

- 01 Thửa đất số 329, tờ bản đồ số 1, thuộc xóm TY, xã Hòa Bình, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 428m^2, Loại Đất trồng cây công nghiệp lâu năm. Đất đã có Giấy chứng nhận QSD đất số BO 497508 do UBND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/10/2013 mang tên Trần Thị H và Trần Văn C.

- 01 Thửa đất số 350, tờ bản đồ số 1, xóm TY, xã Hòa Bình, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 509m^2 , Loại Đất trồng cây công nghiệp lâu năm. Đất đã có Giấy chứng nhận QSD đất số BO 497507 do UBND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/10/2013 mang tên Trần Thị H và Trần Văn C. Giá trị 02 thửa đất: 44.039.000 đồng(Có sơ đồ kèm theo).

- Bà Trần Thị H được quản lý, sử dụng: Cây Mỡ + Cây chè trồng trên 02 thửa đất có giá trị: 17.546.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bà H được hưởng là: **61.585.000 đồng*(Sáu mươi mốt triệu, năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng).***

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H Về việc không yêu cầu ông Trần Văn C phải trích chia chênh lệch giá trị tài sản cho bà H **30.547.400** đồng*(Ba mươi triệu, năm trăm bốn mươi bảy nghìn, bốn trăm đồng).*

2.2 Chia cho ôngTrần Văn C được quản lý, sử dụng:

- 01 Nhà cấp 4 mái bằng xây năm 2000, gạch đỏ, tường 220, diện tích 9 x 7,2 = 64,4m^2: Trong nhà lát gạch hoa, tường sơn ve xanh; bao gồm 03 bộ cửa gỗ xen kính(phòng khách), 02 bộ cửa sổ bằng gỗ kính, 03 bộ chắn song cửa sổ bằng gỗ, 03 ô thoáng cửa nan sắt; mái tôn ; 01 Sân láng xi măng ;Tường bao xây bằng gạch xilicat và gạch đỏ dài =106m^2

- 01 Nhà bếp cấp 4 lợp mái pro xi măng, xà gỗ mỡ, xây bằng gạch đỏ từ năm 2012;

- 01 Nhà tắm lợp mái pro xi măng, xây bằng gạch xilicat, 01Cổng sắt, 01 cây hồng trên đất.

Giá trị tài sản ông C được hưởng: 122.679.800 đồng;

- Ông C không phải trích chia chênh lệch giá trị tài sản cho bà H số tiền **30.547.400 đồng** do bà Trần Thị H không yêu cầu.

3. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu **3.079.250 đồng** án phí dân sự sơ thẩm Chia tài sản có giá ngạch vào Ngân sách nhà nước trên giá trị tài sản được hưởng, được trừ vào số tiền 3.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, bà H được nhận số tiền còn lại, theo biên lai thu số 0005467 ngày 08/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Ông Trần Văn C phải chịu **6.134.000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm Chia tài sản có giá ngạch vào Ngân sách nhà nước trên giá trị tài sản được hưởng .

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn(bà H) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông C(bị đơn) vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Mai Thị Hồng Thái

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã HB, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.